

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HS-ST

Ngày: 11-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin;

Bà Võ Thị Kiều Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 80/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh L, tên gọi khác: không, sinh ngày 10/6/1977 tại thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký thường trú: Số E C, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: Không có nơi ở cố định; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành L1, sinh năm 1936 (sống) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1937 (chết); bản thân có vợ tên Nguyễn Thị T (chưa đăng ký kết hôn), chưa có con;

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 254/2016/HSST ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt Nguyễn Thanh L 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/4/2017. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HSST ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, xử phạt Nguyễn Thanh L 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/02/2019. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 165/2019/HSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, xử phạt Nguyễn Thanh L 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong bản án ngày 24/3/2021; Tiền sự: không;

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2005/HSST ngày 19/9/2005 của Tòa án nhân dân Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt Nguyễn Thanh L 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 222/2007/HSST ngày 27/12/2007 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt Nguyễn Thanh L 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/6/2009. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/02/2023 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Lê Thị R, sinh năm 1951

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

2. Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số A khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Văn H1, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Lâm Văn B, sinh năm 1966 (vắng mặt).

2. Huỳnh Hữu N, sinh năm 1981 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 12/02/2023, Nguyễn Thanh L đi xe buýt từ nhà tại số E C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đến khu vực thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An tìm tài sản của người khác chiếm đoạt đem bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến ngã tư H thuộc Ô, Khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, L xuống xe đi bộ vào đường hẻm khoảng 200m thì nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda, số loại FUTURE FI, màu sơn xanh đen biển số 62P2-305.09 của ông Nguyễn Tấn T1 đang để trước sân nhà tại số A khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An không có người trông giữ, trên xe có sẵn chìa khóa nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô này, L đi bộ lại nơi để xe mô tô biển số 62P2-305.09 lên lút ngòi lên xe, mở khóa xe nổ máy điều khiển xe chạy đến khu vực cửa khẩu T2 thuộc huyện Đ, tỉnh Long An bán xe cho người thanh niên không xác định nhân thân lai lịch được số tiền 6.500.000 đồng, số tiền có được Liêm tiêu xài cá nhân hết.

Qua điều tra Nguyễn Thanh L khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 11/02/2023, Nguyễn Thanh L đi xe buýt từ nhà đến thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An tìm tài sản chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến khu vực chợ B1 thuộc Ô, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, L nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda, số loại Wave, biển số 62P1-541.46, màu sơn xanh đen bạc của bà Lê Thị

R để gần chỗ bán rau của bà R không có người trông giữ, trên xe có sẵn chìa khóa nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô này, L đi bộ lại nơi để xe mô tô biển số 62P1-541.46 lên lút ngồi lên xe, mở khóa xe nổ máy điều khiển xe chạy đến khu vực cửa khẩu T2 thuộc huyện Đ, tỉnh Long An đem tài sản vừa chiếm đoạt được bán cho người thanh niên không xác định nhân thân lai lịch được 2.500.000 đồng, số tiền này L tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 19/02/2023, Nguyễn Thanh L đến Cơ quan Công an thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An đầu thú hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 25/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Long An, kết luận: Xe mô tô hiệu Honda, số loại FUTURE FI, biển số 62P2-305.09, màu sơn xanh đen, số khung: JC90E0251728; số máy: RLHJC7642NY105968, trị giá 30.957.000 đồng. Xe mô tô hiệu Honda, số loại Wave, biển số 62P1-541.46, màu sơn xanh đen bạc, số khung: HC12E7198739; số máy: 1252FY198633, trị giá 6.082.000 đồng.

Tại cáo trạng số 80/CT-VKSĐH ngày 31-5-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố Nguyễn Thanh L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh L hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Thanh L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Tấn T1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh L bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền là 30.957.000 đồng, bà Lê Thị R yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh L bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền 6.082.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường cho các bị hại Nguyễn Tấn T1, Lê Thị R nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thanh L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản theo yêu cầu của ông T1 và bà R.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không thu giữ được xe mô tô biển số 62P2-305.09 và xe mô tô biển số 62P1-541.46 do L chiếm đoạt của ông Nguyễn Tấn T1 và bà Lê Thị R nên không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo, bị hại không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H1 và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận xuất phát từ lòng tham lam, động cơ mục đích vụ lợi nên khoảng thời gian từ ngày 11/02/2023 đến ngày 12/02/2023 tại khu vực thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, Nguyễn Thanh L đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản gồm 01 xe mô tô biển số 62P2-305.09, trị giá 30.957.000 đồng của ông Nguyễn Tấn T1 và chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 62P1-541.46, trị giá 6.082.000 đồng của bà Lê Thị R. Bị cáo L thực hiện hành vi 02 lần với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 37.039.000 đồng. Đến ngày 19/02/2023, Nguyễn Thanh L đến Cơ quan Công an thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An đầu thú hành vi phạm tội. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo L có tiền án, đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc tình tiết định khung tái phạm

nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, do đó cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2.2] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền để tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu nhưng bị cáo vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của vụ án cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung

[2.3] Tuy nhiên, cần xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Đối với người thanh niên mua xe của bị cáo tại khu vực cửa khẩu T2, huyện Đ, chỉ qua lời khai của bị cáo không xác định được nhân thân lai lịch nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Tấn T1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh L bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền là 30.957.000 đồng, bà Lê Thị R yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh L bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền là 6.082.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại nên áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự công nhận thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại. Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Tấn T1 số tiền là 30.957.000 đồng, bồi thường cho bà Lê Thị R số tiền 6.082.000 đồng.

[6] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không thu giữ được xe mô tô biển số 62P2-305.09 và xe mô tô biển số 62P1-541.46 do bị cáo L chiếm đoạt của ông Nguyễn Tấn T1 và bà Lê Thị R nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 19-02-2023.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thanh L trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 11-7-2023 để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thanh L và bị hại Nguyễn Tấn T1, Lê Thị R. Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Tấn T1 số tiền là 30.957.000 đồng (Ba mươi triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn đồng), bồi thường cho bà Lê Thị R số tiền 6.082.000 đồng (Sáu triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Thanh L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.851.950 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi một nghìn chín trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Đức Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đức Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm